

TỰ ĐỨC HOÀNG ĐẾ (1848-1883)

Nguyễn phúc Thì, hiệu Nguyễn phúc Hồng Nhậm, con thứ 2 của vua Thiệu Trị, mẹ là Từ Dũ thái hậu tên Phạm thị Hàng

Sinh 1829, ở ngôi 35 năm, thọ 54 tuổi.

Tự Đức sinh ngày 25 tháng 8 năm Kỷ Sửu (1829) là con thứ hai (anh cả Hồng Bảo) ở ngôi 35 năm, thọ 54 tuổi táng ở Khiêm Lăng (lăng Tự Đức) thờ mẹ chí hiếu mẹ là bà Từ Dũ, tác người nho nhã, mặt hơi dài cằm hơi nhỏ, trán rộng mà thẳng, mũi cao mà tròn hai mắt tinh mà lạnh.

Tự Đức bị bệnh đậu mùa

Một bức tranh của Tự Đức ở trong tạp chí France Illustration 5/1949 là một sản phẩm tưởng tượng.

Các đại thần phò tá như Phan Thanh Giản, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Tôn Thất Cáp, Phạm Phú Thứ, Trần Tiễn Thành, Ông Bích Khiêm...

Tự Đức lấy vợ ở tuổi 15 có tất cả 103 vợ nhưng không có con nối dõi.

Người yếu đuối nên không thể đi xa được chỉ 1 lần duy nhất là theo cha đi Hà Nội trong lễ sách phong. Ít khi ra khỏi hoàng cung chỉ trừ đi nghỉ hè, đi săn quanh vùng Huế.

Năm 1848 đến 1852 vua cho cải tổ lại cách thi cử đặt thêm bằng cử nhân.

Tháng 5/1851 mở thi chế khoa từ do văn bằng của nước ta được kể như sau : Tú tài, cử nhơn, tấn sĩ có 3 cấp Hoàng giáp, bạng nhãn và thám hoa . Tổ chức lễ xướng danh và ban yến khi thi hội

Tháng 7/1855 đã hoàn thành bộ Đại Nam Hội Điển năm sau sai làm bộ Việt sử khi mới lên ngôi cho lập nhà thờ Hiền Lương, nhà thờ Trung Nghĩa 2 nhà thờ này lập bên trái chùa Linh Mục - Võ Xuân Cẩn dâng sớ xin lục dụng con cháu Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt và Lê Chất. Vua thuận cho lập nhà thờ để tưởng niệm Võ Trường Toản - Nguyễn Tri Phương dâng biểu xin hiệu Sùng Đức sau đổi Tố đức – học trò của Võ Trường Toản có những người thành danh như Ngô Tùng Châu, Trịnh Hoài Đức, Phạm Đăng Hưng.

Sau biến cố 1847 vua Tự Đức ráo riết cấm đạo và kỳ thị với người Pháp lẫn người Tây phương.

Năm 1851 (Tân Hợi) ba linh mục Pháp là Charbonnier, Matharon, Bonnard bị xử chém, tin này làm xôn xao xúc động cả nước Pháp.

Tháng 7.1858 dưới sự phẫn uất của hoàng hậu Eugenie vợ của Napoléon đệ tam một người sùng đạo, vua Napoleon III ra lệnh cho hải quân trung tướng Rigault de Genouilly đem 14 chiến thuyền với 3000 quân Pháp, Y Pha Nho tấn công vào cửa Đà Nẵng bắn phá các đồn lũy rồi chiếm hai đồn An Hải và Tôn Hải. Vua sai Đào Trí, Nguyễn Tri Phương, Trần Hoàng, Châu Phúc Minh, Lê Đình Lý chia quân chống giữ. Lê Đình Lý tử trận.

Quân viễn chinh Pháp bị dịch tả, tính toán không thể chiếm được Đà Nẵng và Huế nên Genouilly để đại tá Toyon ở lại Đà Nẵng. Còn mình thì kéo quân vào Gia Định.

Chính phủ Pháp cử Hải quân Thiếu Tướng Page thay cho Genouilly.

Tháng 12 năm Mậu Ngọ (1858) Nguyễn Tri Phương đắp đồn Liên Trì lính Pháp đánh đồn Thạch Giản Nại Hiên. Vua ban cho Nguyễn Tri Phương một thanh ngự kiếm và sấm quế các hạng để khuyến khích.

Tháng giêng năm Kỷ Mùi 1859 Pháp bỏ Đà Nẵng kéo quân vào Gia Định bắn phá các đồn Lương Thiện, thuộc tỉnh Biên Hòa, Phước Vĩnh, Danh Nghĩa thuộc tỉnh Gia Định và cửa Cần Giờ.

Sau đó bức thành Gia Định, quan hộ đốc Võ Duy Ninh chạy giấy các tỉnh hội binh cứu viện rồi tự vẫn. Quân ta thua rút lui giặc vào đốt dinh trại kho tàng, lấy lương thực đem đi.

Sau khi Anh Pháp ký hòa ước với Mãn Thanh ngày 25.10.1860 rảnh tay thực dân chỉ định hải quân Trung tướng Charner làm tổng tư lệnh hạm đội Pháp đánh Trung Hoa tìm kế hoạch để đánh chiếm Nam Kỳ..

Tháng 6-1859 nước Pháp sai người đến nghị hòa, vua sai Nguyễn Tri Phương chuyên coi việc ấy. Nguyễn Tư Giản mật sớ tâu không nên nghị hòa, còn Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản tâu rằng người Pháp xin 3 khoản : về mặt cắt đất, điều ấy quyết định không cho, việc thông thương thì trước sau đã có lệ, cứ theo đó mà làm, việc cấm đạo thiên chúa thì tha là hay hơn.

Việc phúc đáp quá lâu nên sứ thần Pháp kéo tàu ra đi.

Đầu năm Tân Dậu (1861) quân Pháp đánh đồn Gia Định, đánh các đồn Cây Mai, Kiểng Phước, Khải Tường, tấn công vào đồn Trung (đồn Chí Hòa) - Nguyễn Tri Phương chỉ huy trận chiến, ông bị thương ở cánh tay. Tán lý Nguyễn Duy Toán, Nguyễn Duy em ruột Nguyễn Tri Phương bị tử thương, Phạm Thế Hiển bị đạn khi về đến Biên Hòa thì mất.

Trong trận này ta tổn thất 300 người xác được đem chôn ở Thuận Kiều, thiếu tướng Vassoigne và đại tá Palanca bị thương. Trung tá Testard tử trận - trong trận chiến ngoài số quân đã có từ năm 1858 Pháp đem thêm 30 chiếc chiến thuyền và 10.000 quân, quân ta dần dần yếu thế không chống nổi rút lui về Tam Tỉnh sau lui lại Biên Hòa.

Tháng 7/1861 Nguyễn Bá Nghi là thượng thư bộ hộ tâu rằng "tình hình tỉnh Biên Hòa suy yếu, đánh giữ không được mà hòa lại không xong nên giảm bớt quân thử phái người đi cầu viện nước khác". Vua giáng chức Nghi trước đó Nghi có tâu : "Sử thế Nam kỳ chỉ có hòa mới được. Chẳng thế e còn sanh điều ngại khác".

Vua chẳng nghe nên về sau quân Pháp dần dần thôn tính Nam Kỳ. Tàu chiến của Y Pha Nho đến Biên Hòa rồi ra cửa Cần Giờ, quanh vùng Cát Bà đưa thư cho quan trấn thủ xin ở núi Đờ Sơn, lập sở tuần ty tại huyện Nghiêu Phong tỉnh Quảng Yên trong 10 năm sẽ trả lại. Nếu triều đình không cho thì sẽ gây chiến ở Bắc Kỳ.

Vua sai quan phải chuẩn bị sẵn sàng.

Còn ở Sài Gòn sau khi chiếm đồn Kỳ Hòa, giặc Pháp đánh Hóc Môn và lập kế hoạch đánh chiếm tỉnh Định Tường.

Trung tá Bourdeis khám phá ra đường sông đi vào Bảo Định theo con nước đến được tỉnh thành. Từ Hóc Môn – Phú Lâm giặc men theo lộ đánh Tân Hương. Vượt sông Vàm Cỏ Đông đánh Long An, tiến về phía Trung Lương. Một cánh khác của giặc theo ngã cửa Đại đánh chiếm Tịnh Giang.

Tổng đốc Nguyễn Công Nhân vừa mới bổ nhiệm đến Định Tường dùng kế hỏa công của Chu Du để đánh giặc Pháp ở Tịnh Giang nhưng không thành công.

Mỹ Tho bỏ ngõ giặc chiếm thành, trong trận này trung tá Bourdeis bỏ mạng, thiếu tướng Page đi trên pháp thuyền Fransé vào lấy Mỹ Tho mà không gặp sức chống trả nào của Nam quân cả.

Tin Định Tường thất thủ bay đến kinh đô làm bàng hoàng triều đình Huế. Giặc được thế tiến chiếm Gò Công và Đồng Tháp Mười.

Đất Gò Công là quê ngoại của vua Tự Đức.

Tri Huyện Toại chiêu mộ dân binh nổi lên đánh Pháp.

Ngày 22-6-1861 Huyện Toại chỉ huy nghĩa quân đánh đồn, sau thua tử trận;

Trương Công Định trước có cầm đầu một toán nghĩa quân tham dự trận đánh Chí Hòa - được thăng chức Lãnh Binh. Ông có những hành động táo bạo làm khiếp vía địch quân cũng như những tên tay sai việt gian. Cùng với Huyện Toại, mở cuộc tấn công giặc ở Gò Công.

Hải quân thiếu tướng Bonard được điều sang thế Charner y thay đổi chiến lược, dùng người bản xứ để đánh người bản xứ, dụ dỗ tuyên truyền, chia rẽ lương giáo.

Mở màn là các trận đánh về phía Đông : Biên Hòa, Vũng Tàu, Bà Rịa lần lượt bị Pháp chiếm, đồng thời ở phía Tây đột nhiên Pháp chiếm Vĩnh Long dưới quyền chỉ huy của trung tá Reboul với lực lượng 1.000 quân đổ bộ xóm Lò Gạch ở xã Hòa Mỹ cách Long Châu 5 cây số hai bên giao chiến đến tối thì tổng đốc Trương Văn Uyển liệu thế khó giữ nên đốt dinh trại kho tàng.

Ở Đồng Tháp Mười Võ Di Dương được phong chức thiên hộ, dân gọi ông là Thiên Hộ Dương ông rất can đảm nhưng "hữu dũng vô mưu", mọi việc binh bị đều giao cho Thủ Khoa Huân điều khiển.

Ở Cai Lậy có Phủ Cậ là vị quan già về hưu bị bệnh cùi đứng ra điều khiển việc quan bản dinh đóng ở Ba Giồng, Thuộc Nhiêu.

Ngày 29-8-1861 bao vây giặc ở Cái Thia, giết được 22 tên giặc Pháp. Giặc Pháp bắt cha của Phủ Cậ giết chết để trả thù

Đại tá Lebris cùng với Bellinger và Đại tá Desveaux kết hợp để đánh tan nghĩa quân.

Nguyễn Trung Trực nghi binh trên sông Vàm Cỏ Đông ở Bến Lức đốt cháy tàu Espérance và tấn công tù binh Lê Dương, Phi Luật Tân đóng dọc theo sông giết không còn một tên

Ông rút lui ra khỏi đồn Vĩnh Trị qua trú tạm ở huyện Duy Minh về sau Nguyễn Trung Trực bị trảm quyết ở Rạch Giá ngày 20-10-1868.

Trong lịch sử nước ta đây là lần đầu tiên một cuộc chiến tranh xảy ra giữa người Á Đông và Tây Phương.

Hai quan niệm, hai nền văn hóa hoàn toàn khác nhau. Khác với các cuộc chiến tranh có trước, giữa ta và Trung Quốc cùng một ý thức hệ cùng một loại văn hóa Đông phương, nên tầng lớp quan lại kể cả vua và nhân dân cứ lấy kiểu cũ, kể cũ để đối địch với lũ giặc từ phương tây tới.

Tháng 5/1879 Nguyễn Hiệp đi xứ Xiêm về. Vua hỏi tình hình nước Xiêm Hiệp tâu rằng : "Chúng tôi hỏi thăm nước ấy khi trước có người Bruxelles ở đó buôn bán, thời tình thế phương Tây cũng đã hơi biết, đến khi người Anh đến cầu thông thương, nước ấy hòa với nước Anh, nên Anh không gây oán được, vì thế đã không mất đất mà lại được giảng hòa với chín nước (Pháp, Ý, Phổ, Mỹ, Y Pha Nho, Tây Ban Nha, Hà Lan, Bỉ và Anh) chức lãnh sự thì cho Anh đầu, qua lại giao tiếp không trở ngại gì cả, mà nước Xiêm vẫn giữ được quyền, người ngoài không hiếp chế được."

Có những người tâm huyết như giáo dân Đinh Văn Điền, 1868 người huyện An Mô - tỉnh Ninh Bình dâng bằng điều trần, Nguyễn Trường Tộ (1828-1871) đã gửi cho triều đình gồm cả một chương trình cải cách rộng lớn lời lẽ thống thiết xác thực như bản điều trần về tình thế phương Tây, về việc ngoại giao ngày 16-9-1871.

Quân Pháp lần lượt chiếm Biên Hòa, Gia Định, trấn biên Định Tường, Cai Lậy, Vĩnh Long... Bonard cử trung tá Simon đến Huế chiêu hàng triều đình Huế cuộc thương thuyết kéo dài từ 26-5-1862 đến 5-6-1862 hòa ước Nhâm Tuất (5-6-1862) ký giữa 3 nước Pháp, Y Pha Nho, và nước ta có 12 điều khoản cắt đất Gia Định, Định Tường, Biên Hòa cho Pháp.

Bồi thường chiến phí 4.000.000 đồng bạc chia ra trả trong 10 năm. Dân Pháp và Y Pha Nho được ra vào buôn bán tự do ở cửa Đà Nẵng, Ba Lạc, Vĩnh Xuân Đài, Quảng Yên.

Nếu nước Nam có muốn giao thiệp với các nước khác vay cắt đất nhượng địa thì phải có sự đồng ý của Pháp.

Tự do giảng đạo.

Pháp sẽ trả lại Vĩnh Long cho nước ta.

Bảng hòa ước sẽ được chính thức phê chuẩn năm sau.

Ngày 25-5-1863 hải quân thiếu tướng d'Ariès lãnh nhiệm vụ bàn giao tỉnh Vĩnh Long cho Phan Thanh Giản.

Sau khi ký hòa ước thấy mình quá thua lỗ nên vua cử một phái đoàn gồm có Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khắc Đản lên đường sang Pháp và Madrid để đàm phán lại.

Sứ bộ cỡ theo 64 gói hàng, thùng đựng lễ vật và 1 cái kiện 9 cái lọng, và 24 gói lễ vật để tặng cho Y Pha Nho, đoàn tùy tùng có 62 người ngày 22-6-1863 đến Sài Gòn ngày 4-7 đáp tàu Europeén sang Pháp trong đoàn có Trương Vĩnh Ký và Tôn Thọ Tường làm thông ngôn ngày 9-9-1863 cập bến Toulouse rồi Marseille từ Lyon lên Paris.

Ngày 5-11-1863 sứ bộ được hoàng đế Nã Phá Luân III tiếp kiến. Vua nước Pháp từ chối các đề nghị của sứ bộ. Nã Phá Luân gửi tặng vua Tự Đức một bộ đồ bằng sứ.

Hầu tước Chasseloup Laubat tiễn sứ bộ ta lên đường về nước với lời hứa hảo.

Sứ bộ già từ Paris sang Madrid thủ đô Y Pha Nho yết kiến nữ hoàng Y Pha Nho là Isabelle đệ nhị.

Ngày 18-3-1864 tàu Japon đưa sứ bộ về tới Sài Gòn.

Khi ở Pháp Phạm Phú Thứ có làm một bài thi Đông Tây dị thú đại ý đã kích nền văn hóa Phương Tây.

Hải quân thiếu tướng De la Grandiere được cử sang nước Nam để dẹp loạn.

Tháng 6/1864, Phan Thanh Giản cùng toàn quyền Pháp là Aubaret yết kiến vua Tự Đức ở điện Cần Chánh, vua ban trà cho và nói : "Gửi lời thăm quốc chúa an hảo, từ nay về sau 2 nước ta giữ điều giao hảo". Aubaret thưa rằng : "Xin vâng" rồi cáo lui.

Tháng 9.1866 khâm sứ thượng thư Pháp ở Gia Định là Paul Vial về Huế xin đất 3 tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Hà Tiên -vua không thuận, y nói với Phan Huy Vịnh - Phạm Phú Thứ rằng : "Nếu bây không chịu giao cho xong, e những người ứng mộ gây ra việc binh ách" lời láo xược đó làm bàng hoàng vua quan.

Tháng 6.1867 Pháp huy động một số lớn thuyền chiến đến Vĩnh Long đưa tới hậu thư cho Phan Thanh Giản – Giản nói thế nào chúng cũng không nghe

Phan Thanh Giản mới thương lượng rằng "Chớ nhiều hại nhân dân. Còn tiền lúa trong kho cứ để nước tôi coi ngó" –

Pháp chiếm Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Phan Thanh Giản đem triều bào, ấn triện và làm tờ sớ gửi về dâng - nhịn đói mà chết..

Đồ Chiểu làm một bài thơ khóc Phan Thanh Giản trong khi đó vua quan triều Nguyễn lại trách cứ họ Phan đã để mất Nam Kỳ án di trảm danh cho họ Phan và vua Tự Đức ra lệnh đục bỏ tên tuổi của họ Phan trên bia Tiến sĩ.

Đất miền Nam đã trở thành thuộc địa của Pháp và chúng bắt đầu thiết lập ở Gia Định một thành phố.

Sài Gòn được chọn là nơi đặt nền móng cơ sở của chính phủ thuộc địa.

Dinh toàn quyền xây dựng năm@@@, nhà thờ Đức Bà năm@@@. Bưu Điện năm @@@@:, bệnh viện Grall năm.... :, dinh Soái phủ (dinh Gia Long) 23-3-1868

Khi Pháp đặt nền đô hộ ở Sài Gòn họ đặt ra quan cai trị thuộc ngạch Phán ty, ngạch tư pháp là Niết ty. Cho sửa lại trường hậu bổ ở Huế và tăng cường cách giáo sư Pháp

Aymonier là viên công sứ Pháp là một học giả viết nhiều đề tài về Việt Nam và dân tộc Chăm.

Linh mục Kerlan cha sở nhà thờ Sài Gòn là người sáng lập trường Tabert , linh mục từ trần năm 1872.

Đông Dương ngân hàng thành lập do chỉ dụ ngày 21-1-1875,

kinh chợ Gạo xong ngày 10-7-1877
nhà thờ đức bà do giám mục Colombert cử hành ngày 7-10-1877.
Lệnh bãi bỏ dùng chữ Hán do Lafont ký ngày 6-4-1878 mãi đến ngày
30-1-1882 mới thi hành.
Hội đồng quản hạt (conseil Colonial) được thành lập do chỉ dụ 8-2-1880
Năm 1886 Paul Bert cho lập hội đồng tư vấn.
Năm 1907 Paul Beau cho mở trường đại học.
Trương Công Định đánh Pháp ở Gò Công 1861 . Năm 1864 bị Huỳnh Công Tấn
dẫn giặc Pháp , ông tử trận ngày 20-5-1864.
Thủ Khoa Huân sau khi tách ra khỏi Thiên Hộ Dương ông tụ tập nghĩa quân
chống Pháp bị giặc bắt và bị chém ở cù lao Ròng.
Phan Liêm, Phan Tôn là con Phan Thanh Giản,
Trương Huế là con Trương Công Định theo chí cha nổi gót lãnh đạo quân dân
Nam bộ chiến đấu với thực dân xâm lược.
Thân Văn Nhiếp tự xưng là nguyên soái tụ tập nghĩa binh tấn công đồn Cai Lậy
vào ngày lễ giáng sinh 1870 bị giặc giết 1-1-1871
Nghĩa quân ở vùng Ba Vát - Cái Mơn - Cần Thơ dưới quyền điều khiển của
Tổng Thu, Tổng Cậy đã đánh tây vào ngày mùng 3 Nhâm Thân (1872) khắp nơi ở
Nam bộ từ Sài Gòn cho đến Trà Vinh, Vĩnh Trị, Cổ Chiên, Tây Thủy, Cần Giuộc,
Trung Lương... khắp nơi nghĩa quân, thân hào nhân sĩ nổi lên chống Pháp rầm rộ.
Những việt gian tay sai khét tiếng đàn áp phong trào đáng kể là : Trần Bá Lộc,
Huỳnh Công Tấn, Trần Tử Ca, Đỗ Hữu Phương, Đỗ Kiểng Phước...
Trong khi đó ở Bắc Kỳ có Pierre Lê Bảo Phụng nổi lên chống triều đình bị
Nguyễn Tri Phương đánh tan và xử tử, các đảng cướp giặc cỏ, giặc tàu ô Trung Quốc,
nạn thổ phỉ nổi lên lung tung làm cho xã hội càng thêm rối rắm như ở Cao Bằng có
Ngô Côn chiếm Cao Bằng năm 1888 vua cử Phan Chi Hương đi tiêu trừ. Giặc Nông
Hùng Thạc ở Tuyên Quang có dư đảng 10.000 năm 1862. Nguyễn Tri Phương, Ông
Ích Khiêm, Đỗ Trọng Bình, Trương Quốc Dung, Lê Tuấn có công bình bình định.
Mọi vách đá ở Quảng nghĩa đầu hàng tháng 10-1885.
Vọng vạn niên cát địa vào tháng 9-1864 cho khởi lên xây Khiêm cung (lăng Tự
Đức)..
Tháng 12-1864 công tử Hường Tập mưu giết vua việc phát giác bị xử tử.
Tháng 8-1866 Đoàn Trưng cùng em Đoàn Hữu Ái, Đoàn Tư Thực... Tôn Thất
Cúc làm nội ứng cùng với các phu phen lính đang ở Khiêm Cung kéo về Hoàng thành
mưu giết vua Tự Đức có Long Võ Đình Hồ Oai, Cáp Văn Sum ngăn chặn
Cuộc đảo chánh thất bại.
Lục quân thiếu tướng L'Arbaud thay đô đốc Dupré cho chiếc tuần dương hạm
Bourayne đi tuần du khắp nơi.
Tháng 11 Đỗ Phổ Nghĩa (Jean Dupuis) đi 3 chiếc tàu đến cửa Cấm thuộc tỉnh
Hải dương mượn đường qua Vân Nam có tên tự xưng tri phủ nước Tàu là Lý Ngọc Trị
cùng đi theo.

Vua sai Phan Đình Bình cùng với khâm mạng Nguyễn Tri Phương gọi Dupuis để cùng nghị hội, không có y, thuộc viên trong tàu còn lại là Uông Gia Sư và Hà Sâm quan quân ta muốn khám tàu, hai bên cự cãi sau đó Pháp điều động Francis Garnier đang đóng ở Thượng Hải về Hà Nội,

Lúc 6 giờ 20- 11-1873 giặc Pháp nổ súng vào thành Hà Nội, Nguyễn Tri Phương bị trúng đạn ở bắp đùi, bị Pháp bắt

Ông quê quán ở Thừa Thiên làm quan từ thời vua Minh Mạng, có nhiều chiến công hiển hách. Ông từ trần ngày 30-12-1873.

Trong trận này con trai ông là Phò mã Nguyễn Lâm cũng tử trận.

“ Giặc Pháp khởi sự bắn súng vào thành Hà Nội hồi 6 giờ sáng ngày 20.11. 1873, thống chế Nguyễn Tri Phương cầm quân đánh giặc, con là phò mã Nguyễn Lâm ra thăm cha ở Hà Nội, hal cha.con chống giữ ở cửa Đông Nam. Quân Pháp phá cửa ấy, Nguyễn Lâm trúng đạn chết, Nguyễn Tri Phương bị thương ở đùi, Francis Garnier bắt được đem về băng bó thuốc thang, ông nhin ăn, phun thuốc, từ chối sự săn sóc của địch đến ngày 30.12.1873 thì qua đời.”

Pháp chiếm được Thăng Long bèn phân binh các đạo tiến chiếm vùng Trung Châu Bắc Bộ.

Hải quân trung úy Balny chỉ huy pháp hạm Espagnole đánh chiếm Hưng Yên, Phủ Lý.

Ngày 4. 12.1873, hạ thành Hải Dương.

Hautefeuille chiếm Ninh Bình ngày 5.12.1873, ở vùng Phát Diệm các giáo dân vui mừng thoát khỏi bị phân biệt đối xử.

Ngày 11.12.1873, Pháp làm chủ trọn miền Trung Châu gồm có sáu thành Hà Nội, Hưng Yên, Phủ Lý, Ninh Bình, Hải Dương và Nam Định.

Hoàng Kế Viêm được phong làm Tiết chế quân Bắc Kỳ, giặc Cờ Đen, người Trung Hoa, đầu hàng quân Nam triều, chủ tướng là Lưu Vĩnh Phúc được cho giữ lại chức vụ. Hoàng Kế Viêm cho Lưu Vĩnh Phúc đóng quân ở đồn Hương Ngạnh (Phủ Hoài Đức)

Nam triều cử sứ bộ gồm có Trần Đình Túc, Nguyễn Trọng Hợp có thêm các giám mục Sohier, linh mục Dargelger phụ tá để thương thuyết với Francis Garnier.

Quân Cờ Đen tấn công vào thành rồi giả vờ rút chạy, Francis Garnier đem quân đuổi theo qua vùng Thủ Lệ đến cầu Giấy thì bị binh ta phục kích giết chết.

Hài cốt của F. Garnier được chở về Sài Gòn tháng 5.1876 được an táng tại đất Thánh thành phố.

Trong trận này chết chung với Francis Garnier còn có Bonifay, Dagorne và trung úy Balny ;

Thống đốc Nam Kỳ mới nhậm chức là đô đốc Dupré cử Philastre đến Huế để thương thuyết với triều đình : Nguyễn Văn Tường cùng đi với Philastre ra Hà Nội để giải quyết việc F. Garnier nhưng khi tàu đến cửa Cấm ngày 24.12.1873 thì được tin quân Cờ Đen đã giết chết F. Garnier –

Philastre và các sĩ quan cao cấp dưới tàu đập tay tức giận bảo Nguyễn Văn Tường "Việc chắc không xong, phải phi báo cho Dupré". Tường thấy giặc đang nóng giận sợ hư việc lớn nên mới thông thả dựa lời biện bạch thuyết phục. Philastre nghe theo ra đến Hải Phòng - Ra lệnh trả các thành trì lại cho ta, Pháp lui giữ Hải Phòng - Dupré về lại Pháp.

Triều đình cử Nguyễn Văn Tường cùng đi với Philastre vào Sài Gòn gặp Lê Toản cùng với thống đốc Nam Kỳ thương lượng để ký hòa ước Giáp Tuất vào ngày 15-3-1874 thay cho hòa ước Nhâm Tuất (1862)

Hòa ước gồm 22 điều khoản, chiếu theo khoản 11, Pháp và Nam triều ký một điều ước thương mại ở Sài Gòn ngày 31.8.1874 đại diện chính phủ Pháp là Hải quân thiếu tướng Krant, quyền thống đốc Nam Kỳ.

Điều ước này gây cho ta bị thiệt thòi nhiều như việc buôn bán thuế khóa đều do Pháp điều khiển, cấm nhập trang thiết bị, binh khí vào Trung kỳ, các thành phố Hải Dương, Hà Nội, Quy Nhơn đều được Pháp đặt tòa lãnh sự.

Vua sai vẽ bản đồ quân sự những nơi Pháp đóng gởi về để ngự lãm.

Tháng 11 - Giáp Tuất vua sai các quan ở Thương Bạc mua một số tàu chiến nói dối là để tuần tiễu bọn cướp biển.

Từ Giáp Tuất (1874) đến Nhâm Ngọ (1882) việc ngoại giao hai bên có vẻ tạm ổn là do Philastre, cái gạch nối giữa chính phủ Pháp và triều đình Huế. Philastre là một người rất thích các triết lý Á Đông, thích tìm hiểu nền văn hóa nước ta.

Tháng 11 năm Bính Tý (1876) khi làm Khâm sứ ở Huế, Philastre viết thư qua Thương Bạc xin rước thầy về dạy chữ Nho cho ông ta. Vua cho Cao Hữu Trung qua sứ quán dạy cho Philastre học, đồng thời tặng ông ta nghiên mực, giá gát bút và sách vở.

Tháng 6.1877, vua gởi tặng một bộ luật của nước ta mới in vì Philastre nói là "luật nước ta tinh tường và đích đáng lắm" vua lại ban thêm một bộ ngự chế Việt sử tổng vịnh...

Tháng năm Bính Tý (1878), sai Nguyễn Hữu Độ vào Gia Định nhận chiếc tàu trận của Pháp tặng, đến tháng 9, Pháp tặng triều đình Huế thêm 5 chiếc tàu, vua có làm bài ký "Ngũ lợi thuyền"

Tháng 10. 1877 Nguyễn Thành Ý đem các đồ thổ nghi qua Paris để đấu xảo trong một hội chợ quốc tế.

Năm 1878 Pháp tặng ta 100 khẩu súng cho tỉnh Hà Nội.

Năm 1879 Nguyễn Thành Ý đem đồ đệ qua học nghề cơ khí ở Toulouse.

Tháng 5, Nguyễn Hiệp đi sứ Xiêm về tàu vua nên lập bang giao với các nước trên thế giới để giữ được thế cân bằng.

Tháng 6 vua thông báo cho các địa phương ai muốn học chữ Pháp hay học kỹ nghệ thời cho ghi danh.

Năm Tân Ty (1881) sai Phạm Bính đem 12 học trò nhỏ giao cho một người Tàu ngụ tại Hương Cảng là Thạch Thanh Tuyên dẫn tới học trường nước Anh.

Tháng 7 vua bảo các quan ở Thương Bạc là nơi làm việc chung với chính phủ bảo hộ và Nam triều nên qua lại thăm viếng nhau.

Khi Lê Đình từ Hương Cảng về có tàu vua về việc nước Nhật Bản bắt chước các nước Âu châu, ông lại thêm là đất nước ta giàu tài nguyên, người thông minh ; dân đông thì theo kiểu ấy chắc chắn sẽ giàu mạnh hùng cường..."

Đại sứ Trung Quốc là Đinh Canh trong một buổi tiếp xúc ngoại giao với Trần Thúc Nhẫn cho hay : Quan khâm sai nước Anh là Tăng Kỳ Trạch có báo rằng lãnh sự Pháp Thoát Loãng đã xin 2 ngàn quân và chiến phí để chuẩn bị đánh nước ta, và ông ta khuyên là nước Nam nên chóng bàn mưu giữ nước".

Rheinardt thay Philastre

Năm Nhâm Ngọ (1882) tháng 2, chiếc tàu của Pháp đậu ở biển Núi Nẹ (Ninh Bình) hai bên bắt đầu căng thẳng. Thực sự thì sau khi Philastre về nước, Rheinardt lên thay thì chính sách của Pháp đã thay đổi.

Henri Rivière ở trong ngạch hải quân đã 37 năm với cấp bậc đại tá, ông cũng là một văn sĩ tài hoa đã từng nói "chẳng khi nào người ta sẽ chịu giao phó một chiến hạm cho một nhà văn".

Khi được đề cử làm tổng chỉ huy đánh Hà Nội ông đã viết một bức thư gửi cho Ferdinand de Lannay tờ báo Le Temps "theo tôi ngã Bắc Kỳ sẽ đi vào Hàn Lâm Viện".

Ngày 3.4.1882, Henri Rivière rời Sài Gòn ngày 26.3.1882 với hai chiến hạm Drac và Parvesel, ngày 3.4.1882 đến Hà Nội đóng quân ở Đồn Thủy –

Thấy binh thuyền của Pháp kéo tới đột ngột. Tổng Đốc Hoàng Diệu nghi ngờ bèn sai tuần phủ Hoàng Hữu Xứng ra tiếp để dò xem tình hình đồng thời ra lệnh cho quân binh phòng thủ.

Ngày 25-4-1882, Henri Rivière gửi tối hậu thư buộc phải giải binh, kỳ hạn 8 giờ sáng mai các quan Nam triều phải đến Đồn Thủy để đợi lệnh. Hoàng Diệu khước từ –

Giặc Pháp tấn công Hà Nội, án sát Tôn Thất Bá đốt kho thuốc súng rồi đầu hàng giặc,

Tổng đốc Hoàng Diệu viết tờ di biểu để lại và đến miếu Quan Thánh thốt cổ tự vắn cho trọn lòng với đất nước.

Sau khi Hà Nội thất thủ, tổng đốc Hoàng Diệu vì nước quyên sinh, khắp nơi trong nước làn sóng nổi dậy chống lại giặc Pháp ngày càng mãnh liệt với chiêu bài Bình Tây Sát Tả (đẹp Tây, giết đạo).

Hoàng Kế Viêm, Nguyễn Chánh, Bùi Ân Niên dâng sớ xin đánh giặc Pháp, vua không cho.

Sai tổng đốc Hà Ninh hưu trí là Trần Đình Túc làm Khâm sai đại thần cùng Tỉnh Biên Phó sứ Nguyễn Hữu Độ lập hội đồng nhận lại tỉnh thành đã bị mất.

Henri Rivière đòi 4 khoản :

- Nước Nam phải nhận nước Pháp bảo hộ.
- Phải nhường thành phố Hà Nội cho Pháp
- Pháp được đặt thương chánh ở Bắc Kỳ
- Sửa lại việc thương chánh ở các nơi và giao cho Pháp cai quản.

Pháp chiếm Hòn Gay, ngày 27.3.1883 vào rạng sáng, súng trên các pháo thuyền dưới sự chỉ huy của H. Rivière nổ ran, quân ta bắn trả làm hư hại hai pháo thuyền Surprise và Fanfare, bắn gãy chân trung tá Carreau, tuần lễ sau thì Carreau chết.

Đến 11 giờ giặc hãm thành. Đề đốc Lê Văn Diêm, án sát Hồ Bá Ôn tử trận. Pháp chiếm luôn Hòn Gay –

Để mở đầu cho mưu toan xâm lược toàn diện đất nước ta viên toàn quyền đương ở Sài Gòn cho triệu hồi viên khâm sứ Rheinardt và hạ cờ Pháp ở tòa khâm về nước, mặt khác y ra lệnh trục xuất quan khâm phái của triều đình bên cạnh chính phủ Pháp là Nguyễn Thành Ý về.

Tổng đốc Bắc Ninh Trương Quang Đản cùng phó kinh lược Bùi Ân Niên đánh quân Pháp ở Gia Lâm, tàu binh Pháp chạy về Đồn Thủy Hà Nội để trốn.

Đêm 11.5. 1883, Pháp đóng quân ở tả ngạn sông Hồng - nửa đêm bị quân Cờ Đen nã đạn pháo vào các chiến thuyền của giặc Henri Rivière vô cùng tức giận, lấy 500 quân rời khỏi thành rượt đuổi quân Cờ Đen tới ô Cầu Giấy. Bị phục binh, Rivière tử trận vào ngày 19.5.1883.

Sau trận đánh Pháp sai người đi tìm thi hài của các tướng tử trận những người này báo tin về cho biết đầu lâu của đại tá H. Rivière bị quân Cờ Đen bỏ vào 1 cái hộp vôi chôn cạnh vệ đường đi Sơn Tây –

4 tháng sau giặc Pháp mới đào tìm được chỗ chôn đầu lâu, còn xác không đầu thì mãi đến 8-10- 1887 mới tìm ra.

Ngày 30.10.1883, linh cữu của đại tá H.Rivière và trung tá Berthe de Villers được tàu Tarn chở về Pháp - thi hài của H. Rivière được chôn tại nghĩa trang Montmartre ở Paris.

Vua Tự Đức vốn người nhỏ thó bị bệnh đậu mùa từ thuở bé, người yếu đuối nên không thể nào đi xa được, chỉ có một lần duy nhất là theo cha (vua Thiệu Trị) ra Bắc Hà nhận lễ thụ phong của Tàu.

Ông là người có tài văn chương uyên bác nhưng không quyết đoán được việc nước, chần chừ, dợt thời, chung quanh là các đại thần toàn một loại thiển cận nên đã ngăn chặn nhiều ý kiến cải tổ đất nước của các vị nhân sĩ có dịp xuất dương đem cái hay cái tốt của nước ngoài tâu lên.

Vua Tự Đức nghe, hiểu, khen các vị ấy nhưng không bao giờ làm theo các lời đề nghị đó.

Ngày 16 tháng 6 năm Quý Tỵ (1882) vua Tự Đức hấp hối và băng. Đọc tờ di chiếu ở điện Cần Chánh, tự quân hoàng trưởng tử Dục Đức lay và lên ngôi. Trong di chiếu viết “tính phả hiếu dâm, diệc đại bất thiện” nghĩa "là tánh dâm đang lại chẳng tốt nên đáng lẽ không lập làm vua..." lời ấy làm cho Dục Đức vô cùng khó chịu.

DỤC ĐỨC HOÀNG ĐẾ (1883)

Nguyễn Phúc Ứng Chân, con nuôi của vua Tự Đức, bị tôn thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường phế và bị giết sau 3 ngày ở ngôi.

Ngày 24.7.1883, Dục Đức mời ba vị Phụ chánh đại thần vào điện riêng bàn xin bỏ bớt đoạn ấy đi, Tường và Thuyết giả bộ ưng thuận nhưng khi ra giữa triều đình nhằm lúc Trần Tiểu Thành đọc di chiếu bỏ bớt đoạn chỉ trích vua, Tường và Thuyết lập tức buộc tội Dục Đức đã thay đổi di chiếu.và giết đi

Chiến tranh giữa thực dân Pháp và dân tộc ta lại được đồng hóa là cuộc chiến tranh có đáng đấp tôn giáo vì thế đã gây ra một phong trào giết các giáo dân và phá nhà thờ thiên chúa trong dân chúng

HIỆP HÒA HOÀNG ĐẾ (1883)

Nguyễn phúc Hồng Dật, con vua Thiệu Trị, em vua Tự Đức lên ngôi thay Dục Đức được 4 tháng thì bị Tường, Thuyết giết.

Hồng Dật con thứ 29 của Thiệu Trị, tức Lăng Quốc Công được rước vào cung để làm lễ tấn phong. Hồng Dật từ chối không chịu đi, cuối cùng Tường và Thuyết phải dùng võ lực bắt Hồng Dật lên kiệu, khiêng về tôn lên ngôi, hiệu là Hiệp Hòa ;

Hiệp Hòa muốn dùng kế trừ bớt thế lực của Tường và Thuyết bèn đổi Tường làm Binh bộ thượng thư, Thuyết làm Lại bộ thượng thư, phong Tuy Lý vương coi việc giao thiệp giữa triều đình và chính phủ Pháp mà không cần hội ý kiến triều thần. Hồng Phi con của Tùng Thiện Vương dâng mật sớ đề nghị Hiệp Hòa chém đầu Tường và Thuyết.

Vua xem xong dạy thái giám đem cho Đệ nhất phụ chánh Trần Tiểu Thành phụng duyệt, chẳng may lá sớ lọt vào tay Nguyễn Văn Tường - cơ mưu bại lộ, Tường, Thuyết sai Ông Ích Khiêm đến bắt vua và buộc phải tự vẫn,

Trần Tiểu Thành cũng bị giết ngay đêm đó.

Hiệp Hòa bị giết ngày 29.11.1883, thọ 37 tuổi, trị vì được 4 tháng - Tôn Dường Thiện lên ngôi hiệu Kiến Phước.

KIẾN PHÚC HOÀNG ĐẾ (1884)

Nguyễn Phúc Ứng Đăng, con nuôi vua Tự Đức, sinh 1869, thay vua Hiệp Hòa, mất vì bệnh thọ 15 tuổi.

Lợi dụng lúc Tự Đức băng hà, nội bộ triều đình lũng củng Tường và Thuyết chuyên quyền bức tử vua mới và đàn áp các địch thủ, lại thêm tin Henri Rivière tử

trận trước đó, Hạ nghị viện Pháp đã biểu quyết ưng chuẩn ngân sách quân phí Bắc Kỳ là 5 triệu Phậl lăng,

Lục quân thiếu tướng Bouet được cử làm thống lãnh quân vụ ở Bắc Kỳ, Đô đốc Courbet dẫn hạm đội từ Hạ Long vào Huế gồm 2 thiết giáp hạm, 2 tuần dương hạm, 2 pháo thuyền Đô đốc đi trên chiếc thiết giáp hạm Bayard.

Tàu binh của giặc đến Trà Úc thường đi gần cửa Thuận An, vua sai chưỡng vệ Lê Văn Sĩ đem một cây cờ lệnh và một cái bài "dừng việc binh" trao cho Tôn Thất Thuyết được phép tùy tiện xử dụng.

Thuận An thất thủ - triều đình Huế vội vàng sai Nguyễn Trọng Hiệp, Trần Đình Túc, Huỳnh Hữu Thường đại diện cho Nam triều thương thuyết với phái đoàn Pháp do bác sĩ Harmand.

Hòa ước Quý Mùi được ký vào ngày 25.8.1883 còn gọi là hòa ước Harmand. Nước ta mất hẳn nền độc lập. Ngoại giao, chính trị, quân sự, tài chính thuộc vào thực dân Pháp.

Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết ra mật lệnh cho Đoàn Kiệt, đêm 30.11.1883 nổi lên phá nhà thờ Thiên Chúa và giết giáo dân trong khắp cả nước vì cho rằng những người này là gián điệp của giặc.

Theo ý nếu trừ được đạo thì giặc Pháp sẽ như cua gãy càng không thể hoạt động hữu hiệu được.

Linh Mục Caspar dẫn đoàn giáo sĩ từ Kim Long qua ty nạn ở tòa Khâm sứ ở Huế - cuộc khủng bố đẫm máu này là cái hố chia rẽ trầm trọng giữa người có đạo Thiên chúa và dân lương.

Sứ thần Patenôtre đi Bắc Kinh nhận chức, Thủ tướng Ferry giao bản hòa ước Harmand đã sửa lại những điều áp chế trước đây,

Hòa ước Patenôtre được ký tại Huế ngày 6.6.1884 giữa Nguyễn Văn Tường và Patenôtre,

Pháp giao trả lại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Bình Thuận lại cho ta.

Pháp muốn thu lại cái ấn bằng bạc mạ vàng có chạm một con lạc đà nằm phủ phục dưới khắc mấy chữ : "Đại Nam quốc vương chi ấn" cái ấn này do Tàu ban cho nước ta nay Patenôtre được lệnh thu bảo ấn đem về Pháp.

Triều đình ta không chịu, cuối cùng giải quyết bằng cách nấu chảy cái ấn đó ra.

Thống đốc Charles Thomson bắt vua Norodom ký một hiệp ước Kim Biên ngày 17.6.1884 từ đó Cao Miên thuộc Pháp.

Năm 1885, Pháp thương thuyết với Thái Lan để đặt phó lãnh sự ở Luang Prabang.

Năm 1887, August Pavie được quốc vương Ai Lao là Oumkham thảo luận và đặt Ai Lao dưới quyền bảo hộ của Pháp thế là liên bang Đông Dương đã hình thành.

ở Quảng Nam, Ngãi và Bình Định phong trào giết hại giáo dân trở nên khốc liệt.

Ngày 16.7.1885 linh mục Poirier bị bắn chết, linh mục Garin bị giết ở Phú Hòa.

Ngày 4.7.1885 hai giáo sĩ Barrat và Dupont bị giết ở Thác Đá và Hội đức - Bình Định.

Từ ngày 16.7 đến 4.10.1885, tính ra có 8 linh mục Pháp và 2 vạn 4 ngàn giáo dân Nam bị giết, 225 nhà thờ và tất cả nhà của dân đạo ở 6 tỉnh thuộc họ Quy Nhơn đều bị đốt cháy.

Ngày 10 tháng 6 Giáp Thân (1884), vua Kiến Phúc tạ thế.

HÀM NGHI HOÀNG ĐẾ (1884-1888)

Vua Hàm Nghi có tên là Ứng Lịch, em ruột vua Kiến Phúc, sinh 1872.

Ngày 23-5-1885 xuất bôn lãnh đạo phong trào chống Pháp, căn cứ tại Tuyên Hóa Quảng Bình.

Năm 1888 bị phản thần Trương quang Ngọc bắt nộp cho Pháp, bị đày sang Algérie, mất 1943 thọ 71 tuổi.

Nguyễn Văn Tường - Tôn Thất Thuyết truyền lời di chỉ rước hoàng đế Ứng Lịch lên ngôi ở điện Thái Hòa đặt niên hiệu là Hàm Nghi, lúc đó vua mới 13 tuổi. Nam triều tôn Ứng Lịch ngày 2.8.1884.

Pháp cho triệt mấy khẩu súng đại bác để trên mặt kính thành chỉ qua lầu sứ và cho lắp các ngòi súng đại bác hết thủy là 45 khẩu.

Trước đó vào tháng 8-1883, Harmand sai lục quân trung tá Brionval đánh chiếm Hải Dương –

Giặc Pháp đánh lấy cửa Thuận An ngày 20-8-1883, trong trận đó quân ta chết 1.200 người.

Pháp tiến công chiếm Ninh Bình dưới quyền chỉ huy của Bichot.

Đêm 11.12.1883, đô đốc Courbet ra lệnh xuất quân. Hạm đội gồm có 7 pháo thuyền như chiếc Trombe, Eclair, Yatayan... sáng 14 đến 17, Pháp tấn công Sơn Tây, quân Nam triều và cờ Đen tử trận lối 1000 người, phía giặc Pháp có 82 tử trận, trong đó có 4 sĩ quan và 319 bị thương.

Hoàng Kế Viêm và Lưu Vĩnh Phúc lui về Hưng Yên. Quân Mãn Thanh theo lời cầu viện của ta vượt biên giới cùng ta lập đồn lũy để đánh nhau với giặc.

Thống tướng Millot được cử làm Tổng tư lệnh đã điều một lữ đoàn có 8.000 quân gồm 4 chiếc chiến hạm đánh chiếm lần lượt Đáp Cầu 12.3.1884.

Thái Nguyên, ngày 16.3.1884 ;

Hưng Hóa thất thủ 12.4.1884.

Sau hòa ước Thiên Tân, quân Mãn Thanh vẫn ngấm ngầm giúp quân ta đánh Pháp.

Sứ thần Patenôtre phản kháng đòi Thanh triều phải trả 250 triệu binh phí. Nếu không thì sẽ tấn công Đài Loan. Pháp huy động sư đoàn hải quân của đô đốc Courbet đang ở Hạ Long, Sư đoàn của đô đốc Lespes đang ở Thượng Hải.

Ngày 5.8.1884 thiết giáp hạm Galissonnière nổ súng bắn pháo đài Kê Lung của Trung Quốc.

Lãnh sự Pháp ở Phước Châu rời khỏi lãnh sự quán và sau đó thì Pháp tấn công. Hùng sáng ngày 23.8, hai phóng ngư lôi 45, 46 của Pháp đã đánh chìm tuần dương hạm Phước Bộ và Giang Ước của Trung Quốc.

Ngày 13.2.1885, thiếu tướng De Négrier đánh chiếm Lạng Sơn - viên thiếu tướng này ra lệnh phá ải Nam Quan.

Giữa tháng 11.1884, đại tá Duchesne đem 700 dân Tuyên Quang để đánh nhau với quân Cờ Đen, giặc Pháp bị vây ở Tuyên Quang, Pháp chết 33 người, hơn 200 bị thương.

Thống tướng Millot sai tham mưu trưởng là đại tướng Guerrier đem 600 quân và một đội pháo binh vào Huế bắt buộc Nam triều phải nhận vị đại diện của Pháp làm lễ phong vương cho vua Hàm Nghi. Đô đốc Decourcy đến Huế muốn đi vào đại nội bằng cửa Ngọ Môn (cửa này chỉ dành cho vua đi mà thôi).

De Courcy nói năng ngạo mạn, ngày 4.7.1885 mở tiệc khoản đãi các quan văn võ của ta và Pháp, y buộc các quan đại thần phải qua tòa Khâm sứ để trình diện, nhân tiện để bắt Tôn Thất Thuyết. Thuyết biết điều đó nên cáo ốm, lánh mặt.

Trước tình trạng dồn ép, triều đình dưới sự chỉ huy của Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường quyết định tấn công Pháp.

Ngày 30.7.1883 Harmand, Bouet và Courbet họp ở Hải Phòng quyết định ngày giờ tấn công kinh đô Huế.

Ngày 1-7-1885 R. De Courcy mang quân đến Huế với thái độ rất khiêu khích. De Courcy được Nguyễn Hữu Độ khuyên nên bắt Tôn Thất Thuyết.

Trước tình thế không thể trì hoãn đêm 4-7-1885 (đêm 22 rạng ngày 23 tháng năm Ất Dậu) Tôn Thất Thuyết ra lệnh tấn công bất ngờ vào đồn Mang Cá và tòa khâm sứ Pháp.

Thuyết chia quân ra làm hai đạo, một đạo do em trai là Tôn Thất Lệ chỉ huy vượt qua sông Hương đánh Tòa Khâm, đạo chính do Thuyết cùng Trần Xuân Soạn chỉ huy đánh vào Mang Cá. Tại đây quân Pháp xuống hầm ẩn núp đợi sáng mới phản kích chỉ có pháp thuyền Javelin đậu trên sông gần Bao Vinh thỉnh thoảng bắn trả.

Đến lúc 3 giờ sáng ngày 5-7-1885 trung tá Pernol và thiếu tá Metzinger mang hai đội quân từ Mang Cá tiến ra.

Đội quân thứ nhất di chuyển từ Cầu Kho - Tinh Tâm tiến đánh cửa Hòa Bình và cửa Hậu, cửa An Hòa.

Đội quân thứ hai di chuyển ngã cửa Trại vượt qua cầu Thanh Long đánh vào cửa Đông Ba. men theo thượng thành giặc chiếm dãy nhà Lục Bộ rồi chiếm cửa Thượng Tứ đánh thẳng vào Ngọ Môn.

Quân Pháp làm 2 gong kim khóa chặt hoàng cung và từ hai mặt trước sau của hoàng cung.

Từ cửa trước là Ngọ Môn và cửa sau Hòa Bình. Quân Pháp xông vào chiếm Đại nội chỉ trong vòng nửa ngày.

Những nơi chúng đi qua cửa nhà bị đốt sạch, cướp bóc của cải, dân chúng đổ xô chạy loạn một số rất lớn bị chết vì dày xéo lên nhau nhất là ở các cửa thành rất thương tâm.

Người thì bị đạn, kẻ dùng giầy xuống thành, giầy đứt rớt chết, số chết kể đến hàng nghìn người.

Từ đó ở Huế cứ đến ngày 23 tháng 5 âm lịch người ta tổ chức "quả cơm chung" cúng cô hồn.

Nguyễn Văn Tường có nhiệm vụ là hộ giá vua và tam cung lục viện đi Quảng Trị. Hai võ quan là Nguyễn Hanh và Hồ Văn Hiếu chỉ huy lực lượng hộ tống này. Vua Hàm Nghi và bà Từ Dũ ra khỏi đại nội ra khỏi hoàng thành bằng cửa hữu, qua đò Kê Van rồi lên Kim Long đến chùa Linh Mục, qua chợ Thông, Chợ Mai rồi ra Văn Xá điểm cuối cùng của cuộc di tản là Quảng Trị.

Khi đến Tràng Thi một khu vực ở trong thành nội gần cửa An Hòa thì Tường và Thuyết gặp nhau

Khi đến Kim Long thì Nguyễn Văn Tường vâng ý chỉ của Từ Dũ lưu lại giảng hòa.

Tường đã vào nhà thờ Kim Long gặp giám mục Caspar (Cố Lộc) và qua trung gian của ông này Tường đã gặp R De Courcy (DN TL chính biên) để thương lượng.

Tường và Thuyết là một. Thuyết được lãnh nhiệm vụ đấu tranh trực diện với Pháp, Tường là một người đứng mũi chịu sào để giữ những gì có thể giữ được cho quốc gia, ông đã phải hy sinh gánh chịu búa rìu của dư luận đương thời để cho Thuyết vờ đốt cháy nhà của mình cho vở kịch giống như thật.

Ngày 9-7-1885 vua Hàm Nghi từ Quảng Trị lên Tân Sở.

Ngày 13-7-1885 vua đưa ra Dụ Cần Vương.

Ngày 17-7-1885 xa giá bà Từ Dũ quay về Huế ở Khiêm Lăng.

Vua tiếp tục cuộc hành trình đi Phòng, Quảng Trị, Hà Tĩnh đường đi qua thành Đông Hại không được vua và đoàn tùy tùng phải đi theo đường núi qua Mai Lĩnh, Lao Bảo rồi từ đó đi Sê-pôn thuộc châu Na-bôn men theo Tây Trường Sơn, vượt đèo Mụ Giạ đến đầu tháng 9-1885 thì đến Tuyên Hóa.

Trong thời gian đó tại Huế Nguyễn Văn Tường được R. Decourcy giao cho trách nhiệm là đưa bà Từ Dũ từ Khiêm Lăng về lại Đại Nội, và rước vua Hàm Nghi về nhưng chuyện rước vua là chuyện Tường không làm

De Courcy đưa Thọ Xuân Miên Định em vua Thiệu Trị làm nhiếp lý quốc chính ngày 30-7-1885 Nguyễn Hữu Độ đến Huế hội kiến với De Courcy và Tường.

Sau đó Nguyễn Văn Tường bị pháp đày đi Tahiti và ông chết một năm sau biến cố vì bệnh ung thư hầu họng